

## thông số kỹ thuật

Xe quét là phương tiện đảm nhận công việc quét dọn, rửa vệ sinh đô thị hoặc đường quốc lộ, đường cao tốc và các tuyến đường khác. Xe có hai đĩa chải, một đĩa hút rộng hoặc bốn khay và một cổng hút phía sau. Loại phương tiện khai thác đường bộ.

1. Chúng tôi có thể cung cấp tất cả các nhãn hiệu xe tải đặc biệt, chẳng hạn như Đông Phong, ISUZU, Sinotruck, Foton, Faw, North Benz (beiben), JAC, JMC, v.v.
2. Loại ổ đĩa có thể là 4X2, 4X4, 6X4, 6X6, 8X4
3. Chứng nhận: ASM, ISO, BV, SGS, CCC, v.v.

## Lợi thế:

1. Thùng rác được làm bằng thép không gỉ, bên trong có tấm lọc, có tác dụng ngăn các vật nhẹ như lá cây chặn lối thoát khí và bụi thải ra ngoài một cách hiệu quả.
2. Xử lý chống ăn mòn, chống rỉ sét, diệt virus bên trong bình chứa nước.
3. Cấu trúc làm sạch của "Bàn chải trung tâm 4 cốc hút phía sau", đĩa quét phía trước có chức năng tự động tránh chướng ngại vật và có thể điều khiển riêng chổi quét trái và phải.
4. Theo nhu cầu của người dùng, nó có thể được trang bị trước khi bán, sau khi rắc, phun, cuộn tự làm sạch, hệ thống giám sát vận hành, thiết bị hút phụ và xẻng xúc tuyết.

## XE TẢI QUÉT ĐƯỜNG DongFeng 5-7CBM THƯỜNG HIỆU

### thông số kỹ thuật chính

|                              |                           |                          |                |
|------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------|
| Dòng sản phẩm □ tên          | CLW5090TSL3 Xe quét đường |                          |                |
| Tổng trọng lượng (kg)        | 9400                      | Loại ổ                   | 4 X 2          |
| Tải trọng (Kg)               | 3500                      | Kích thước tổng thể (mm) | 6700×2290×2500 |
| Trọng lượng lê đường (Kg)    | 5705                      | ghế cab (người đàn ông)  | 3              |
| Góc tiếp cận / khởi hành (°) | 22/12                     | Treo trước / sau (mm)    | 1180/1720      |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                               |                             |                           |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Số trục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2                                                                             | Chiều dài cơ sở (mm)        | 3800                      |
| Tải trọng trục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3460/5940                                                                     | Tốc độ tối đa (Km/h)        | 90                        |
| <b>thông số kỹ thuật khung gầm</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                               |                             |                           |
| mô hình khung gầm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | EQ1090T9ADJ3AC                                                                | nhà chế tạo                 | DongFeng Motors Co., Ltd. |
| tên thương hiệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | DongFeng                                                                      | Kích thước tổng thể (mm)    | 6695×2285×2480            |
| Quy cách lốp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7.50R16                                                                       | Số lốp xe                   | 6                         |
| Số lò xo thép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 9/117,8/107                                                                   | Đường trước (mm)            | 1831                      |
| Loại nhiên liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Dầu diesel                                                                    | Đường sau (mm)              | 1640                      |
| tiêu chuẩn khí thải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Euro III                                                                      | Quá trình lây truyền        | 5 số tiến, 1 số lùi       |
| cabin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Nội thất xe, có hướng nguồn điện và giao diện USB, máy cassette, có máy lạnh, |                             |                           |
| Mô hình động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | sản xuất động cơ                                                              | Dịch chuyển (ml)            | Công suất (Kw)            |
| CY4102-E3C                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Công ty TNHH DongFeng Chaoyang Diesel                                         | 3856                        | 91                        |
| <b>Hiệu suất quét đường</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                               |                             |                           |
| Thể tích thùng rác (m³)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5                                                                             | Thể tích bể chứa nước (m³)  | 2,5                       |
| Chất liệu thùng rác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Thép không gỉ                                                                 | Chất liệu bình chứa nước    | Thép không gỉ             |
| Mô hình động cơ phụ trợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | JX493G                                                                        | Công suất động cơ phụ (Kw)  | 57KW                      |
| Các nhà sản xuất động cơ phụ trợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | ISUZU Giang Tây Công ty TNHH động cơ                                          | Chiều rộng quét tối đa (mm) | 3200                      |
| Tốc độ quét (km/h)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3-20                                                                          | công suất quét m²/h         | 9000- 60000               |
| Kích thước và chất lượng hạt tối đa (mm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 100mm ± 1,5kg                                                                 | tỷ lệ làm sạch              | 96%                       |
| <b>Tính năng quét đường</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                               |                             |                           |
| <p>1. Hộp điều khiển nằm trong cabin, tất cả các loại hệ thống điện tập trung để điều khiển và dễ vận hành!</p> <p>2, Bốn đĩa quét kết hợp với vòi hút đang hoạt động. theo các điều kiện làm sạch khác nhau, tốc độ đĩa quét có thể được kiểm soát bằng cách chọn ba bánh răng-Cao, trung bình và thấp, có thể đảm bảo có kết quả làm sạch tốt trong nhiều tình trạng ô nhiễm khác nhau. và khi gặp chướng ngại vật, đĩa quét có thể có chức năng bảo vệ tránh tự động và có chức năng đặt lại tự động, đồng thời tự động rút lại, sau đó tự động đặt lại sau khi vượt qua một số chướng ngại vật!</p> <p>3. Cả hai mặt của đĩa quét có thể hoạt động hoàn toàn hoặc hoạt động đơn phương độc lập.</p> <p>4. Các thành phần cốt lõi của hệ thống thủy lực thông qua nhập khẩu ban đầu!</p> |                                                                               |                             |                           |

Hình ảnh như dưới đây:



Whatsapp & Telephone: +86-18607222773 Email: [brenda@cclwtruck.com](mailto:brenda@cclwtruck.com)



Whatsapp & Telephone: +86-18607222773 Email: [brenda@clclwtruck.com](mailto:brenda@clclwtruck.com)



Whatsapp & Telephone: +86-18607222773 Email: [brenda@ciciwtruck.com](mailto:brenda@ciciwtruck.com)



Whatsapp & Telephone: +86-18607222773 Email: [brenda@clclwtruck.com](mailto:brenda@clclwtruck.com)





Whatsapp & Telephone: +86-18607222773 Email: [brenda@clclwtruck.com](mailto:brenda@clclwtruck.com)